|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH NINH THUẬN** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**PHỤ LỤC**

**Tham khảo các Nghị quyết HĐND của một số địa phương**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)*

| **TT** | **Địa phương** | **Tên Nghị quyết/Quyết định** | **Phạm vi và đối tượng điều chỉnh** | **Mức hỗ trợ** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Bình Dương**  (NQ số 06/2009/NQ-HĐND7) | “Nghị quyết về chế độ ưu đãi cán bộ, công chức, viên chức làm công tác CNTT, viễn thông trên địa bàn tỉnh Bình Dương” | 1. Đối tượng áp dụng  Công chức, viên chức được bố trí làm chuyên trách hoặc bán chuyên trách về CNTT, viễn thông và cán bộ lãnh đạo, quản lý trực tiếp chỉ đạo công tác CNTT, viễn thông trong các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này.  2. Phạm vi áp dụng  Các cơ quan Đảng, đoàn thể, hành chính, sự nghiệp, cụ thể như sau:  a) Cơ quan hoặc bộ phận chuyên trách về CNTT cấp tỉnh;  b) Cơ quan đang quản lý cơ sở dữ liệu của tỉnh hoặc cổng thông tin điện tử của tỉnh;  c) Các cơ quan không quản lý cơ sở dữ liệu của tỉnh nhưng có website cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ mức độ 2 trở lên và đạt trên 50% nhiệm vụ được giao;  d) Cơ quan hoặc bộ phận chuyên trách về viễn thông cấp tỉnh;  đ) Cơ quan hoặc bộ phận chuyên trách về CNTT cấp huyện;  e) Cơ quan hoặc bộ phận chuyên trách về viễn thông cấp huyện;  g)Các cơ quan có mạng trên 10 máy tính;  h) Uỷ ban nhân dân cấp xã có mạng từ 5 máy tính trở lên. | 3. Chế độ ưu đãi  a) Cán bộ chuyên trách về CNTT công tác tại cơ quan quy định tại điểm a, b, c khoản 2 (Phạm vi áp dụng) được hưởng chế độ ưu đãi như sau:  - Trình độ Tiến sĩ: 3.000.000 đồng/tháng;  - Trình độ Thạc sĩ: 2.500.000 đồng/tháng;  - Trình độ đại học: 2.000.000 đồng/tháng;  - Trình độ cao đẳng: 1.500.000 đồng/tháng.  b) Cán bộ chuyên trách về CNTT tác tại cơ quan quy định tại điểm d, đ, g khoản 2 (Phạm vi áp dụng) được hưởng chế độ ưu đãi như sau:  - Trình độ Tiến sĩ: 2.700.000 đồng/tháng;  - Trình độ Thạc sĩ: 2.200.000 đồng/tháng;  - Trình độ đại học: 1.700.000 đồng/tháng;  - Trình độ cao đẳng: 1.200.000 đồng/tháng.  c) Cán bộ bán chuyên trách về CNTT tác tại cơ quan quy định tại điểm a, b, c khoản 2 (Phạm vi áp dụng) và cán bộ chuyên trách về viễn thông công tác tại cơ quan quy định tại điểm e Khoản 2 (Phạm vi áp dụng) được hưởng chế độ ưu đãi như sau:  - Trình độ Tiến sĩ: 2.500.000 đồng/tháng;  - Trình độ Thạc sĩ: 2.000.000 đồng/tháng;  - Trình độ đại học: 1.200.000 đồng/tháng;  - Trình độ cao đẳng: 1.000.000 đồng/tháng;  - Trình độ trung cấp, kỹ thuật viên: 700.000 đồng/tháng.  d) Cán bộ bán chuyên trách về CNTT tác tại các cơ quan quy định tại điểm đ, g, h khoản 2 (Phạm vi áp dụng) được hưởng chế độ ưu đãi như sau:  - Trình độ Tiến sĩ: 2.200.000 đồng/tháng;  - Trình độ Thạc sĩ: 1.700.000 đồng/tháng;  - Trình độ đại học: 1.000.000 đồng/tháng;  - Trình độ cao đẳng: 800.000 đồng/tháng;  - Trình độ trung cấp, kỹ thuật viên: 500.000 đồng/tháng.  đ) Cán bộ lãnh đạo, quản lý trực tiếp chỉ đạo công tác CNTT, viễn thông tại các cơ quan quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 (Phạm vi áp dụng) được hưởng chế độ ưu đãi 1.200.000 đồng/tháng;  e) Cán bộ lãnh đạo, quản lý trực tiếp chỉ đạo công tác CNTT, viễn thông tại các cơ quan quy định tại điểm đ, e khoản 2 (Phạm vi áp dụng) được hưởng chế độ ưu đãi 800.000 đồng/tháng;  g) Đối với cán bộ chuyên trách về CNTT, viễn thông chưa đủ chuẩn văn bằng theo qui định thì được hưởng chế độ ưu đãi bằng 80% mức ưu đãi tương ứng với từng cấp trình độ và cấp cơ quan công tác;  h) Đối với công chức được bố trí làm bán chuyên trách về CNTT, viễn thông nhưng không có văn bằng chuyên môn về CNTT thì được hưởng chế độ ưu đãi bằng 80% mức ưu đãi đối với cán bộ bán chuyên trách về CNTT có trình độ kỹ thuật viên hoặc trung cấp tương ứng cấp cơ quan công tác. |
| 2 | **Đồng Nai**  (NQ số 160/2009/NQ-HĐND) | “Nghị quyết về chế độ trợ cấp thu hút đối với cán bộ, công chức làm công tác CNTT tỉnh Đồng Nai” | 1. Phạm vi điều chỉnh  Chế độ trợ cấp thu hút đối với cán bộ, công chức (sau đây gọi chung là cán bộ) chuyên trách làm công tác CNTT (CNTT) được thực hiện trong các cơ quan Đảng; cơ quan hành chính Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi chung là cơ quan) của tỉnh Đồng Nai.  2. Đối tượng áp dụng  Chế độ trợ cấp thu hút này được áp dụng đối với cán bộ được bố trí làm chuyên trách về CNTT để đảm nhận các nhiệm vụ sau đây:  a) Quản lý các cơ sở dữ liệu (CSDL) được Tỉnh ủy, UBND tỉnh giao nhiệm vụ thực hiện;  b) Quản lý và biên tập cổng thông tin điện tử của tỉnh Đồng Nai;  c) Quản lý và biên tập Website của cơ quan đảm bảo cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công trực tuyến của cơ quan đạt trên 50% số dịch vụ hành chính công được giao qua môi trường mạng ở mức độ 02 trở lên;  d) Quản lý kỹ thuật, duy trì và phát triển mạng từ 20 máy vi tính trở lên đảm bảo phục vụ tốt công tác quản lý Nhà nước của cơ quan. | + Trình độ thạc sĩ: 2,0 lần x (MLTT);  + Trình độ đại học: 1,5 lần x (MLTT);  + Trình độ cao đẳng:              1,0 lần x (MLTT);  Mức trợ cấp thu hút được thay đổi tương ứng khi mức lương tối thiểu thay đổi. |
| 3 | **Bà Rịa Vũng Tàu**  (NQ số 10/2010/NQ-HĐND) | “Nghị quyết về chế độ ưu đãi đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác công nghệ thông tin, viễn thông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu” | 1. Đối tượng áp dụng:  Công chức, viên chức được bố trí làm chuyên trách hoặc bán chuyên trách về công nghệ thông tin, viễn thông và cán bộ lãnh đạo, quản lý trực tiếp chỉ đạo công tác công nghệ thông tin, viễn thông trong các cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này.  2. Phạm vi áp dụng:  Các cơ quan đảng, đoàn thể, hành chính sự nghiệp, cụ thể như sau:  a) Cán bộ, công chức, viên chức được bố trí làm chuyên trách hoặc bán chuyên trách về công nghệ thông tin, viễn thông trong các cơ quan:  - Cơ quan, bộ phận chuyên trách về công nghệ thông tin, viễn thông cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố.  - Cơ quan đang quản lý cơ sở dữ liệu của tỉnh, cổng thông tin điện tử của tỉnh.  - Các cơ quan không quản lý cơ sở dữ liệu của tỉnh nhưng có website hỗ trợ dịch vụ công (trên 50% nhiệm vụ được giao) qua môi trường mạng từ mức độ 2 trở lên.  - Các cơ quan có mạng trên 10 máy tính.  - Xã, phường, thị trấn có mạng từ 5 máy tính trở lên.  b) Cán bộ lãnh đạo, quản lý trực tiếp chỉ đạo công tác công nghệ thông tin, viễn thông tại các cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin, viễn thông; cơ quan đang quản lý cơ sở dữ liệu của tỉnh, cổng thông tin điện tử của tỉnh; cơ quan có website hỗ trợ dịch vụ công (trên 50% nhiệm vụ được giao) qua môi trường mạng từ mức độ 2 trở lên. | a) Cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách về công tác công nghệ thông tin, viễn thông được hưởng trợ cấp ưu đãi như sau:  - Người có trình độ từ đại học trở lên: 1.500.000 đồng/người/tháng.  - Người có trình độ cao đẳng: 1.000.000 đồng/người/tháng.  b) Cán bộ, công chức, viên chức làm bán chuyên trách công tác công nghệ thông tin, viễn thông được hưởng trợ cấp ưu đãi như sau:  - Người có trình độ từ đại học trở lên: 700.000 đồng/người/tháng.  - Người có trình độ cao đẳng: 500.000 đồng/người/tháng.  - Người có trình độ trung cấp, kỹ thuật viên: 400.000 đồng/người/tháng.  - Người làm công nghệ thông tin chỉ có giấy chứng nhận qua lớp đào tạo quản trị mạng thì hưởng trợ cấp 200.000 đồng/người/tháng.  c) Cán bộ lãnh đạo, quản lý trực tiếp chỉ đạo công tác công nghệ thông tin, viễn thông tại các cơ quan chuyên trách về công nghệ thông tin cấp tỉnh, huyện, thị xã, các cơ quan đang quản lý cơ sở dữ liệu của tỉnh, cổng thông tin điện tử của tỉnh, các cơ quan không quản lý cơ sở dữ liệu của tỉnh nhưng có website hỗ trợ dịch vụ công (trên 50% nhiệm vụ được giao) qua môi trường mạng từ mức độ 2 trở lên được hưởng trợ cấp ưu đãi như sau:  - Cấp tỉnh: 800.000 đồng/người/tháng.  - Cấp huyện: 400.000 đồng/người/tháng. |
| 4 | **Hà Tĩnh**  (NQ số 93/2014/NQ-HĐND) | “Nghị quyết về việc quy định chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách CNTT trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh” | 1. Đối tượng áp dụng  1.1. Cán bộ, công chức có bằng từ đại học chính quy trở lên về chuyên ngành CNTT trong chỉ tiêu biên chế được phân công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về CNTT tại Sở Thông tin và Truyền thông;  1.2. Cán bộ, công chức, viên chức có bằng từ đại học chính quy trở lên về chuyên ngành CNTT trong chỉ tiêu biên chế của các cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp chuyên trách CNTT lập không có thu, được bố trí làm nhiệm vụ chuyên trách về CNTT theo Quyết định 07/2011/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo các tiêu chuẩn nghiệp vụ quy định tại Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh;  1.3. Cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế của Ủy ban nhân dân cấp xã được phân công thực hiện nhiệm vụ chuyên trách CNTT tại Ủy ban nhân dân cấp xã, đảm bảo các tiêu chuẩn nghiệp vụ quy định tại Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh;  1.4. Danh sách các cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ của các cơ quan, đơn vị do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, phê duyệt hàng năm. | Chế độ đặc thù thực hiện thông qua việc hỗ trợ theo hệ số so với mức lương cơ sở hiện hành, được tính trả theo lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội; mức cụ thể như sau:  a) Ở các cơ quan cấp tỉnh:  - Trình độ tiến sỹ: 2,0;  - Trình độ thạc sỹ: 1,5;  - Trình độ đại học: 1,0.  b) Ở các cơ quan cấp huyện, mức hỗ trợ cho cán bộ có trình độ tương ứng bằng 60% so với mức hỗ trợ ở các cơ quan cấp tỉnh.  c) Ở Ủy ban nhân dân cấp xã, mức hỗ trợ cho cán bộ có trình độ tương ứng bằng 40% so với mức hỗ trợ ở các cơ quan cấp tỉnh. Riêng đối với cán bộ, công chức không có trình độ chuyên môn về CNTT nhưng có chứng chỉ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông đảm bảo các tiêu chuẩn nghiệp vụ đối với cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về CNTT theo Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh được hỗ trợ mức 0,1.  Trường hợp một đối tượng trùng nhiều mức hỗ trợ theo quy định này thì được hưởng mức hỗ trợ cao nhất. |
| 5 | **Hà Giang**  (NQ số 139/2014/NQ-HĐND) | Nghị quyết về việc ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ công chức, viên chức chuyên trách CNTT trong các cơ quan Đảng, mặt trận tổ quốc, các tổ chức đoàn thể, các cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang | Công chức, viên chức thuộc biên chế nhà nước; được thủ trưởng cơ quan, đơn vị giao chuyên trách về CNTT trong các cơ quan, đơn vị; thực hiện ít nhất một trong các nhiệm vụ sau:  1. Quản trị mạng; quản trị các dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo quy định của nhà nước.  2. Quản trị Cổng thông tin điện tử tỉnh Hà Giang.  3. Quản trị Trang/Cổng thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị, địa phương. | 1. Người có bằng chuyên môn CNTT trình độ sau đại học: Hệ số 1,0.  2. Người có bằng chuyên môn CNTT trình độ đại học: Hệ số 0,8.  3. Người có bằng chuyên môn CNTT trình độ cao đẳng: Hệ số 0,6.  4. Người có bằng chuyên môn CNTT trình độ trung cấp và người được giao nhiệm vụ chuyên trách CNTT nhưng chưa có bằng chuyên môn về CNTT: Hệ số 0,4.  - Cách tính hưởng hỗ trợ đặc thù: Hệ số hưởng (x) với mức lương cơ sở.  - Chế độ hỗ trợ được chi trả cùng với tiền lương hàng tháng. |
| 6 | **Nghệ An**  (NQ số 180/2015/NQ-HĐND) | “Nghị quyết Quy định về hỗ trợ thu nhập cho công chức chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh Nghệ An” | 1. Phạm vi điều chỉnh:  Nghị quyết này quy định về hỗ trợ thu nhập cho công chức chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh Nghệ An.  2. Đối tượng áp dụng:  a) Công chức chuyên trách CNTT trong các cơ quan Đảng, cơ quan hành chính nhà nước (bao gồm cả cơ quan công an, quân sự) cấp tỉnh, cấp huyện; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.  b) Công chức trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước chuyên ngành về CNTT tại Sở Thông tin và Truyền thông. | Mức hỗ trợ thu nhập là 700.000đ/người/tháng. |
| 7 | **Vĩnh Phúc**  (23/2016/NQ-HĐND) | “Nghị quyết về việc hỗ trợ công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT trong các cơ quan Đảng,  Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020” | 1. Phạm vi áp dụng  Công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT - truyền thông (CNTT-TT) trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan cấp tỉnh; thành ủy, thị ủy, huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh (gọi chung là cơ quan, đơn vị).  2. Đối tượng áp dụng  a) Công chức, viên chức có bằng cao đẳng trở lên chuyên ngành CNTT, viễn thông được giao nhiệm vụ chuyên trách, trực tiếp quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thông tin và hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị;  b) Công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị chuyên trách về CNTT được giao trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ liên quan đến phát triển và ứng dụng CNTT-TT;  c) Công chức, viên chức có trình độ cao đẳng trở lên chuyên ngành CNTT, viễn thông ở các cơ quan, đơn vị (không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a, khoản này) được giao thực hiện một hoặc những nhiệm vụ sau: quản trị mạng; quản trị các dịch vụ công trực tuyến; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp tỉnh; Cổng thông tin điện tử của các cơ quan cấp tỉnh, huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện; quản trị bộ phận một cửa điện tử. | a) Công chức, viên chức chuyên trách CNTT-TT ở cơ quan cấp tỉnh, huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện:  - Trình độ tiến sĩ: 2,0 lần mức lương cơ sở;  - Trình độ thạc sĩ: 1,5 lần mức lương cơ sở;  - Trình độ đại học: 1,2 lần mức lương cơ sở;  - Trình độ cao đẳng: 0,7 lần mức lương cơ sở;  b) Công chức, viên chức chuyên trách CNTT-TT ở các Chi cục, Trung tâm và các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh hưởng mức hỗ trợ bằng 60% mức hỗ trợ công chức, viên chức chuyên trách CNTT-TT ở cơ quan cấp tỉnh có trình độ tương ứng.  c) Công chức làm nhiệm vụ CNTT-TT ở cấp xã: Hưởng mức hỗ trợ bằng 40% mức hỗ trợ công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT-TT ở cơ quan cấp tỉnh có trình độ tương ứng.  d) Các đối tượng quy định tại Điểm b, c, Khoản 2 (đối tượng áp dụng) hưởng mức hỗ trợ: 0,6 lần mức lương cơ sở.  đ) Trường hợp công chức, viên chức thuộc diện được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ đặc thù khác nhau của tỉnh thì được hưởng chế độ hỗ trợ cao nhất. |
| 8 | **Hà Nội**  (NQ số 08/2020/NQ-HĐND) | “Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức chuyên trách về CNTT tại các cơ quan đảng, tổ chức chính trị xã hội, cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của Thành phố Hà Nội” | 1. Phạm vi điều chỉnh  Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với công chức, viên chức chuyên trách về CNTT tại các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của thành phố Hà Nội.  2. Đối tượng áp dụng  Công chức, viên chức có bằng chuyên môn về CNTT (gồm: ngành đúng đào tạo về CNTT hoặc các ngành gần đào tạo về CNTT theo quy định) được giao nhiệm vụ chuyên trách (trực tiếp chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước, triển khai, quản trị hệ thống) về CNTT theo đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại các cơ quan đảng, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc của thành phố Hà Nội.  Những người sau đây không thuộc đối tượng điều chỉnh của quy định này:  - Những người làm nhiệm vụ nhập thông tin, dữ liệu hoặc thực hiện những nội dung thuần túy sử dụng, ứng dụng phần mềm trong công tác quản lý đã được quy định về định mức, đơn giá trong các văn bản quy định khác.  - Những người có bằng cấp chuyên môn về CNTT nhưng không được giao nhiệm vụ chuyên trách về CNTT. | - Người có trình độ đại học hoặc trên đại học được hưởng mức hỗ trợ: 02 lần mức lương cơ sở/người/tháng.  - Người có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp được hưởng mức hỗ trợ: 1,5 lần mức lương cơ sở/người/tháng.  Mức lương cơ sở được áp dụng thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. |
|  |  |  |  |  |
| 9 | **Thanh Hóa**  (NQ số 337/2020/NQ-HĐND) | “Nghị quyết Ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách CNTT trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” | 1. Phạm vi áp dụng  Công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT - truyền thông (CNTT-TT) trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan cấp tỉnh; thành ủy, thị ủy, huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện; UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh (gọi chung là cơ quan, đơn vị).  2. Đối tượng áp dụng  a) Công chức, viên chức có bằng cao đẳng trở lên chuyên ngành CNTT, viễn thông được giao nhiệm vụ chuyên trách, trực tiếp quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thông tin và hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị;  b) Công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị chuyên trách về CNTT được giao trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ liên quan đến phát triển và ứng dụng CNTT-TT;  c) Công chức, viên chức có trình độ cao đẳng trở lên chuyên ngành CNTT, viễn thông ở các cơ quan, đơn vị (không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a, khoản này) được giao thực hiện một hoặc những nhiệm vụ sau: quản trị mạng; quản trị các dịch vụ công trực tuyến; hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu cấp tỉnh; Cổng thông tin điện tử của các cơ quan cấp tỉnh, huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện; quản trị bộ phận một cửa điện tử. | a) Công chức, viên chức chuyên trách CNTT-TT ở cơ quan cấp tỉnh, huyện ủy, HĐND, UBND cấp huyện:  - Trình độ tiến sĩ: 2,0 lần mức lương cơ sở;  - Trình độ thạc sĩ: 1,5 lần mức lương cơ sở;  - Trình độ đại học: 1,2 lần mức lương cơ sở;  - Trình độ cao đẳng: 0,7 lần mức lương cơ sở;  b) Công chức, viên chức chuyên trách CNTT-TT ở các Chi cục, Trung tâm và các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh hưởng mức hỗ trợ bằng 60% mức hỗ trợ công chức, viên chức chuyên trách CNTT-TT ở cơ quan cấp tỉnh có trình độ tương ứng.  c) Công chức làm nhiệm vụ CNTT-TT ở cấp xã: Hưởng mức hỗ trợ bằng 40% mức hỗ trợ công chức, viên chức làm nhiệm vụ CNTT-TT ở cơ quan cấp tỉnh có trình độ tương ứng.  d) Các đối tượng quy định tại Điểm b, c ở Khoản 2 (đối tượng áp dụng) hưởng mức hỗ trợ: 0,6 lần mức lương cơ sở.  đ) Trường hợp công chức, viên chức thuộc diện được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ đặc thù khác nhau của tỉnh thì được hưởng chế độ hỗ trợ cao nhất. |
| 10 | **Hậu Giang**  (NQ số 14/2021/NQ-HĐND) | “Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức phụ trách CNTT trong các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Hậu Giang” | 1. Phạm vi điều chỉnh  Quy định mức chi hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức phụ trách CNTT trong các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Hậu Giang.  2. Đối tượng áp dụng  a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Hậu Giang.  b) Cán bộ, công chức, viên chức phụ trách CNTT được thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương phê duyệt danh sách, số lượng cán bộ, công chức, viên chức phụ trách CNTT được hỗ trợ do thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định, phù hợp với nhu cầu của cơ quan, đơn vị, địa phương. | Mức chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức phụ trách CNTT được xác định theo trình độ đào tạo CNTT *(bao gồm các ngành đúng hoặc các ngành gần đào tạo về CNTT theo quy định pháp luật hiện hành)* của cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể:  a) Trình độ tiến sĩ: 1.200.000 đồng/người/tháng  b) Trình độ thạc sĩ: 800.000 đồng/người/tháng  c) Trình độ đại học: 600.000 đồng/người/tháng  d) Trình độ khác (cao đẳng, trung cấp, sơ cấp): 400.000 đồng/người/tháng  Mức chi hỗ trợ được trả theo lương hàng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và các phí khác.  Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đang hưởng các mức hỗ trợ ưu đãi khác trong lĩnh vực CNTT thi chỉ được hưởng theo 01 (một) mức cao nhất. |